

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 02/02/2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Bùi Thị Nguyễn

Các Thẩm phán:

+ Ông Trương Văn Hai;

+ Ông Nguyễn Văn Thiện

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trần Văn Dự – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Phước – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2021/TLPT-HNGĐ, ngày 04/01/2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 441/2020/HNGĐ-ST, ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2021/QĐ-PT, ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: tổ 5, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; số điện thoại 039 338 xxxx.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Nhà chưa có số, tổ 5, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; số điện thoại 0374 376 xxx.

3. *Người kháng cáo:* anh Nguyễn Minh P là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

** Tại Đơn khởi kiện xin ly hôn và Bản tự khai ngày 01/6/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh P kết hôn với nhau vào năm 2014, hôn nhân do quen biết và tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 31/3/2014 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Khoảng cuối năm 2019, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay xảy ra cự cãi với nhau không thể hàn gắn, anh P thường xuyên cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con, chị có cho thời gian sửa đổi nhưng anh P vẫn không thay đổi, đến ngày 04/5/2020 vợ chồng ly thân cho đến nay. Từ khi hoà giải lần trước đến nay, anh P có đến thăm con vài lần nhưng cũng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/11/2015 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 30/6/2017, hiện hai cháu đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu T và C, không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Về tài sản chung: vợ chồng đã tự thỏa thuận yêu cầu tòa án công nhận gồm: 08 chỉ vàng 24kra trong đó: 01 chiếc lắc 04 chỉ, 01 chiếc vòng, 01 sợi dây chuyền và 01 đôi bông tai hiện anh P giữ; 01 chiếc xe máy hiệu Future hiện do anh P quản lý. Chị và anh P thỏa thuận anh P giao lại cho chị 04 chỉ vàng 24kra và ½ giá trị chiếc xe máy là 10.000.000 đồng và chị đồng ý để anh P sử dụng chiếc xe máy Future.

Về nợ chung: không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải ngày 31/7/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Minh P trình bày:*

Về hôn nhân: anh thống nhất với nội dung trình bày của chị G. Vợ chồng ly thân từ tháng 5/2020, thời gian ly thân anh có tới lui thăm vợ, con được vài lần nhưng cũng không hàn gắn được tình cảm với nhau. Nay, chị G kiên quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị G.

Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/11/2015 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 30/6/2017. Anh yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Minh T; cháu Nguyễn Minh C thì anh đồng ý để cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị G tự thỏa thuận: yêu cầu Tòa án công nhận tài sản chung có 08 chỉ vàng và chiếc xe máy hiệu Future hiện do anh quản lý: anh đồng ý đưa lại cho chị G: 04 chỉ vàng 24kra và ½ giá trị chiếc xe máy hiệu Future là 10.000.000 đồng; anh sở hữu chiếc xe máy Future.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 441/2020/HNGĐ-ST, ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang, đã xử:

“Áp dụng vào các Điều 51, 53, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị G** và anh **Nguyễn Minh P**. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30/03 ngày 31/03/2014 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị **Nguyễn Thị G** được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên **Nguyễn Minh T**, sinh ngày 08/11/2015 và **Nguyễn Minh C** sinh ngày 30/6/2017. Anh **Nguyễn Minh P** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền tới lui thăm con chung cho anh P.

- Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị **Nguyễn Thị G** và anh **Nguyễn Minh P** như sau: Tài sản chung vợ chồng gồm có 08 chỉ vàng 24kra gồm 01 tấm lắc 04 chỉ, 01 chiếc vòng, 01 cộng dây chuyền và 01 đôi bông tai và 01 chiếc xe máy Future hiện do anh P quản lý. Chị G và anh P thỏa thuận anh P giao lại cho chị G 04 chỉ vàng 24kra và $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy là 10.000.000 đồng và chị G đồng ý để anh P sử dụng chiếc xe máy Future.

- Về án phí: Chị **Nguyễn Thị G** phải chịu 150.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0007025 ngày 10/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Như vậy, chị **Nguyễn Thị G** được nhận lại 150.000 đồng. Anh **Nguyễn Minh P** phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình.

Chị **Nguyễn Thị G** và anh **Nguyễn Minh P** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Ngày 08/12/2020, anh **Nguyễn Minh P** kháng cáo yêu cầu được nuôi con là cháu **Nguyễn Minh T** sinh năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh P yêu cầu nuôi cháu **Nguyễn Minh C** sinh năm 2017

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Thời hạn kháng cáo của anh P trong hạn luật định, nên được xem xét giải quyết; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: anh P không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt HĐXX) không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh P; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[2]. Về thủ tục kháng cáo: Bản án sơ thẩm được tuyên ngày 26/11/2020, đến ngày 08/12/2020, anh Nguyễn Minh P kháng cáo là trong thời gian luật định, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3]. Về nội dung kháng cáo: anh Nguyễn Minh P kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Minh T sinh năm 2015, tại phiên tòa ông thay đổi yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Minh C sinh năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh P và chị G có hai con chung là Nguyễn Minh T sinh 08/11/2015 và Nguyễn Minh C sinh ngày 30/6/2017. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm hai cháu T và C đã trên 3 tuổi, lẽ ra khi anh P và chị G đều có yêu cầu nuôi con thì giải quyết cho mỗi anh chị nuôi một cháu. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi phải xem xét vào điều kiện phát triển toàn diện của trẻ. Sau khi anh P và chị G sống ly thân thì các cháu sống với chị G, gia đình chị G có điều kiện hỗ trợ chị chăm sóc các cháu, thời gian qua các cháu được chăm sóc tốt, cuộc sống của hai cháu tạm ổn định, việc giao cháu C hoặc cháu T cho anh P nuôi sẽ làm xáo trộn cuộc sống bình thường của cháu và chia cắt sự gắn bó tình cảm anh em giữa cháu C với cháu T, nên Bản án sơ thẩm giải quyết cho chị G được tiếp tục nuôi 2 con chung là đã xem xét về điều kiện nuôi con là có căn cứ.

[4]. Tại cấp phúc thẩm, anh P không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên không được HĐXX chấp nhận

[5]. Nếu anh P có thu nhập cao hơn chị G thì có thể trợ cấp tiền cho chị G có điều kiện chăm sóc hai con chung tốt hơn.

[6]. Đại diện Viện kiểm sát tỉnh An Giang đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của anh P. Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh P; giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 441/2020/HNGĐ-ST, ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh An Giang;

[8]. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về án phí phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên anh P phải chịu 300.000đ, án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được trừ qua tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo quy định tại khoản 1, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10]. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng: khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Phúc xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh P.
- Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 441/2020/HNGĐ-ST, ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh An Giang:

+ Về hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Minh P.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30/03 ngày 31/03/2014 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

+ Về con chung: chị Nguyễn Thị G được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/11/2015 và Nguyễn Minh C sinh ngày 30/6/2017. Anh Nguyễn Minh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền tới lui thăm con chung cho anh P.

+ Về tài sản chung: công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Minh P như sau: tài sản chung vợ chồng gồm có 08 chỉ vàng 24kra gồm 01 tấm lắc 04 chỉ, 01 chiếc vòng, 01 dây chuyền và 01 đôi bông tai; 01 chiếc xe máy Future hiện do anh P quản lý. Chị G và anh P thỏa thuận anh P giao lại cho chị G 04 chỉ vàng 24kra và ½ giá trị chiếc xe máy là 10.000.000 đồng và chị G đồng ý để anh P sử dụng chiếc xe máy Future.

+ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

. Chị Nguyễn Thị G phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu số: TU/2017/0007025, ngày 10/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi khấu trừ, chị Nguyễn Thị G được nhận lại 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

. Anh Nguyễn Minh P phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: anh Nguyễn Minh P phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: TU/2017/0007406, ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh P đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng KTNV và THA, TGD&NCTN, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Nguyễn